

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q TỈNH
BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105 /2022/HS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thọ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Toà án nhân dân Tp. Q, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Bùi Thế Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2022/TLST - HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn D, sinh ngày 20/11/1998; tại huyện P, tỉnh B; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã N, Tp. Q, tỉnh B; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Con ông Trần Văn E, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; Vợ, con: Không; Tiền án: không; Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 04/6/2021 bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng; Nhân thân: Ngày 07/01/2020 bị UBND xã N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, đã chấp hành nộp phạt xong; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; (có mặt).

- Bị hại: Anh Sầm Văn K, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: xã C, huyện Q, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: 126 Xuân D, Tp. Q, tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Ngọc M, sinh năm 1970. (có mặt).

Trú tại: Tổ 1, KV5, P. N, Tp. Q, tỉnh B.

- *Người làm chứng*: Anh Hà Văn C, sinh năm 1989. Trú tại: xã K, huyện T, tỉnh P. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 01/9/2021, Trần Văn D điều khiển xe mô tô biển số 77X4-2338 (nhãn hiệu SYM, số loại: Excel II, màu đen, số máy 1AD-011203, số khung M7D-011203, do D làm chủ sở hữu) từ xã N, TP. Q đi đến P. Đ, TP. Q chơi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô trên về lại xã N. Khi đi đến đầu đường Nguyễn Thông thuộc Tổ 3, KV 1, P. N, TP. Q, D thấy xe ô tô biển số 29H-744.77 kéo rơ moóc biển số 29R-507.13 của anh Sầm Văn K đỗ bên đường, trên rơ moóc xe có 02 sợi dây xích bằng sắt (mỗi dây dài 5.8m, đường kính Ø8, tổng trọng lượng 25kg) không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Trần Văn D dừng xe mô tô lại, trèo lên rơ moóc biển số 29R-507.13 lên rút lấy 02 sợi dây xích trên, đặt lên xe mô tô của D thì bị anh Sầm Văn K cùng phụ xe là Hà Văn C phát hiện, tri hô giữ lại, báo Công an P. N lập hồ sơ tạm giữ tang vật, chuyển Cơ quan CSĐT Công an TP. Q điều tra theo thẩm quyền. Tại Cơ quan CSĐT – Công an TP. Q, Trần Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên của mình.

Ngày 04/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Tp. Q kết luận: 02 dây xích bằng sắt (mỗi dây dài 5.8m, đường kính Ø8), tổng trọng lượng 25kg, đã qua sử dụng, trị giá 825.000 đồng. Tổng tài sản Trần Văn D đã chiếm đoạt: 825.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an Tp. Q đã tạm giữ: 02 dây xích bằng sắt (mỗi dây dài 5.8m, đường kính Ø8), tổng trọng lượng 25kg. 01 xe mô tô biển số 77X4-2338 (nhãn hiệu SYM, số loại: Excel II, màu đen, số máy 1AD-011203, số khung M7D-011203).

Về phần dân sự: Bị hại anh Sầm Văn K không có yêu cầu gì.

Bản Cáo trạng số: 39/CT - VKSQN ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Q truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Trần Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố nên Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a

khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Trả lại cho bị hại: 02 dây xích bằng sắt (mỗi dây dài 5.8m, đường kính Ø8), tổng trọng lượng 25kg.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô biển số 77X4-2338 (nhãn hiệu SYM, số loại: Excel II, màu đen, số máy 1AD-011203, số khung M7D-011203).

Về phần dân sự: Bị hại anh Sầm Văn K không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

- Bị cáo không tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nên không bào chữa.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên HĐXX có đủ cơ sở xác định: Trần Văn D có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 dây xích bằng sắt (mỗi dây dài 5.8m, đường kính Ø8), tổng trọng lượng 25kg, đã qua sử dụng của anh Sầm Văn K vào ngày 01/9/2021 tại đường Nguyễn Thông thuộc Tổ 3, KV 1, P. N, TP. Q. Tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Tp. Q kết luận là 825.000 đồng. Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, bị cáo D là người có đầy đủ năng lực nhận thức để điều khiển hành vi của mình nên phải biết trộm cắp

tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng với ý thức xem thường pháp luật, tham lam nên đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 825.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự là có căn cứ, đúng luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung đối với xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự ngày 04/6/2021 bị Công an xã N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự. Nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự, bị cáo D có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai không có nghề nghiệp và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại anh Sầm Văn K không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 02 dây xích bằng sắt (mỗi dây dài 5.8m, đường kính Ø8), tổng trọng lượng 25kg và 01 xe mô tô biển số 77X4-2338 (nhãn hiệu SYM, số loại: Excel II, màu đen, số máy 1AD-011203, số khung M7D-011203).

Xét thấy: 02 dây xích bằng sắt (mỗi dây dài 5.8m, đường kính Ø8), tổng trọng lượng 25kg là tài sản của bị hại anh Sầm Văn K và không phải là vật chứng nên trả lại cho chủ sở hữu anh Sầm Văn K. Đối với 01 xe mô tô biển số 77X4-2338 (nhãn hiệu SYM, số loại: Excel II, màu đen, số máy 1AD-011203, số khung M7D-

011203); bị cáo mua và là người quản lý hợp pháp tài sản, không phải là phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Văn D bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn D 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho anh Sầm Văn K: 02 dây xích bằng sắt (mỗi dây dài 5.8m, đường kính Ø8), tổng trọng lượng 25kg.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 xe mô tô biển số 77X4-2338 (nhãn hiệu SYM, số loại: Excel II, màu đen, số máy 1AD-011203, số khung M7D-011203).

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Q, tỉnh B).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. Q
- Chi cục THADS Tp. Q;
- CQ CSĐT CA Tp. Q;
- Đội ĐTTH CA Tp. Q;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Ung Quang Định